

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 38/2021/HS-PT

Ngày 04 – 02 - 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Huân.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Chung và ông Doãn Đình Quyền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:**  
Ông Hoàng Văn Cầu- Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 387/2020/TLPT-HS ngày 29 tháng 12 năm 2020, đối với các bị cáo Trần Văn S và Trần Ngọc T, do có kháng cáo của các bị cáo, đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2020/HS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2020, của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

**Các bị cáo kháng cáo:**

**1. TRẦN VĂN S**, sinh năm 1993 tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn X, xã EK, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; con ông: Trần Văn B và bà: Hoàng Thị M, sinh năm 1971; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại- Có mặt.

**Nhân thân:** Ngày 13/10/2016, bị Trưởng công an thành phố BMT xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền về hành vi đánh bạc

**2. TRẦN NGỌC T**, sinh năm 1993 tại tỉnh Lạng Sơn

Nơi cư trú: Buôn J, xã EK, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Tày; con ông: Trần Quang B1 (đã chết) và bà: Nguyễn Thị M1, sinh năm 1960; có vợ: Lê Thị Quỳnh V, sinh năm 1994; có 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại: Có mặt.

Trong vụ án, còn có bị cáo Lê Đình A nhưng không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 02/7/2019 đến ngày 18/8/2019, Trần Văn S rủ Trần Ngọc T đi từ thành phố BMT đến huyện CK, tỉnh Đắk Lắk trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

**Lần thứ nhất:** Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 02/7/2019, S điều khiển xe mô tô biển số 47M3-8568 chở T đi từ thành phố BMT đến huyện CK để trộm

cấp tài sản; Khi đến rẫy cà phê thuộc thôn 15, xã ET, huyện CK, S và T nhìn thấy chiếc xe mô tô biển số 47T1-137.92 của bà D Byă, dựng bên lề đường, gần lô cà phê, không có người trông coi; S dừng xe cách khoảng 30m, để T đi đến nơi dựng xe, dùng tay rút dây điện tại khu vực thân xe, để mở nguồn điện và dùng chân đạp vào tay lái xe, để phá ổ khoá cổ của xe; Sau đó, T dắt xe trộm cắp được đến vị trí S đứng chờ, rồi nổ máy điều khiển xe về nhà trọ của S tại xã HP, thành phố BMT cất giấu xe trộm cắp được; Khoảng 3 đến 4 ngày sau, S bán chiếc xe trộm cắp được cho Lê Đình A với giá 3.000.000đ; S chia cho T 1.500.000đ.

**Lần thứ hai:** Khoảng 12 giờ ngày 18/8/2019, S điều khiển xe chở T đến huyện CK để trộm cắp tài sản; Khi đến gần trụ sở Công ty trách nhiệm hữu hạn P, thuộc thôn Lô 13, xã DB, huyện CK, S và T nhìn thấy chiếc xe mô tô biển số 47M5-9636, của bà Phạm Thị Thuỳ L, dựng bên lề đường, không có người trông coi; S dừng xe ở đường lô cao su, đối diện với chiếc xe đang dựng, để T đi đến dùng tay rút dây điện tại khu vực thân xe, để mở nguồn điện và dùng chân đạp vào tay lái xe để phá ổ khoá cổ của xe; sau đó, T dắt xe trộm cắp được đến vị trí S đứng chờ, rồi nổ máy điều khiển xe về nhà trọ của S tại xã Hoà Phú, thành phố BMT cất giấu xe trộm cắp được; đến cuối tháng 8/2019, S và T bán chiếc xe trộm cắp được cho Trần Quốc C với giá 3.000.000đ; Khi bán xe, T nói với Cường chiếc xe này là của mẹ T.

Bản kết luận định giá tài sản số:32/KL-HĐĐGTS ngày 18/8/2020 và bản kết luận định giá tài sản số:38/KL-HĐĐGTS ngày 08/12/2019, của Hội đồng định giá tài sản huyện Cư Kuin kết luận: Xe mô tô biển 47T1-137.92 trị giá 9.000.000đ; Xe mô tô biển số 47M5-9636 trị giá 12.500.000đ.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2020/HS-ST ngày 12/11/2020, của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk, đã áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm h, s, khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

**Xử phạt:** Trần Văn S 01 năm 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản .

**Xử phạt:** Trần Ngọc T 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm, còn xử phạt Lê Đình Tự 01 năm tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, xử lý vật chứng, quyết định án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 19/11/2020, các bị cáo Trần Văn S, Trần Ngọc T có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Trần Văn S và Trần Ngọc T khai nhận: Chiều ngày 02/7/2020, các bị cáo đi xe mô tô từ thành phố BMT đến thôn 15, xã ET, huyện CK để trộm cắp tài sản; Phát hiện chiếc xe mô tô biển số 47T1-137.92 dựng bên đường, cạnh rẫy cà phê, không có người trông coi, các bị cáo chiếm đoạt xe mang về thành phố BMT cất giấu, sau đó bán xe trộm cắp được cho Lê Đình Tự lấy tiền chia nhau; Trưa ngày 18/8/2019, các bị cáo tiếp tục đến thôn Lô 13, xã DB, huyện CK để trộm cắp tài sản; Phát hiện chiếc xe mô tô biển số 47M5-9636 dựng bên lề đường, không có người trông coi, các bị cáo chiếm đoạt xe mang về thành phố BMT, bán xe trộm cắp được cho Trần Quốc C.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Bản án sơ thẩm tuyên xử Trần Văn S, Trần Ngọc T phạm tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 BLHS, là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét mức hình phạt, mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là thỏa đáng và đã xem xét đầy đủ đến các tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của Trần Văn S, Trần Ngọc T tại phiên tòa phúc thẩm, là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của người bị hại và lời khai người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Do động cơ vụ lợi, lợi dụng người dân dựng xe mô tô bên lề đường để làm rầy cà phê, chiều ngày 02/7/2019, Trần Văn S và Trần Ngọc T, đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô 47T1-137.92 trị giá 9.000.000đ của bà D Byă, dựng bên lề đường tại thôn 15, xã ET, huyện CK; Trưa ngày 18/8/2019, Trần Văn S và Trần Ngọc T, đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô 47M5-9636 trị giá 12.500.000đ của bà Phạm Thị Thuỳ L, dựng bên lề đường tại thôn Lô 13, xã DB, huyện CK.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử Trần Văn S và Trần Ngọc T, phạm tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật.

[3] Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Trần Văn S và Trần Ngọc T là thỏa đáng và đã xem xét đầy đủ đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như vai trò, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt, xin hưởng án treo của các bị cáo, cần giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm, thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm ở địa phương.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn S, Trần Ngọc T và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 27/2020/HS – ST ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin về hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

**Xử phạt:** Trần Văn S 01 năm 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn chấp hành phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

**Xử phạt:** Trần Ngọc T 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn chấp hành phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

**Về án phí phúc thẩm:** Trần Văn S, Trần Ngọc T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm;

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện CưKuin;
- Công an CưKuin;
- VKSND CưKuin;
- Sở Tư Pháp;
- THA hình sự CK;
- THADS CK;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Huân**